

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á



MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2- BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019.

1. Thông tin chung về Ngân hàng:

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng") được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được chuyển đổi trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Tài chính Cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại cổ phần Nông thôn Đà Nẵng theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN"). Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 9 tháng 5 năm 2003 do NHNNVN cấp, Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302963695 ngày 19 tháng 6 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận điều chỉnh gần nhất lần thứ 25 ngày 07 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép hoạt động của Ngân hàng có giá trị 99 năm kể từ ngày cấp.

Hoạt động chính của Ngân Hàng:

- Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá theo sự chấp thuận của NHNNVN;
- Nhận các nguồn vốn ủy thác đầu tư;
- Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn các tổ chức kinh tế và cá nhân;
- Chiết khấu các hối phiếu thương mại, trái phiếu và các giấy tờ có giá;
- Góp vốn mua cổ phần theo tỷ lệ cho phép và tham gia liên doanh;
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng;
- Thực hiện trao đổi kinh doanh ngoại tệ và vàng;
- Thực hiện thanh toán quốc tế; và
- Các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Tên viết tắt: VIETABANK

Trụ sở chính: 34A-34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT	Chủ tịch
Ông PHAN VĂN TỚI	Phó Chủ tịch
Ông PHƯƠNG XUÂN THỤY	Phó Chủ tịch
Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Thành viên
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Thành viên
Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Thành viên

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Trưởng ban
Bà NGUYỄN THỊ HOAN	Thành viên
Ông HOÀNG VŨ TÙNG	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Tổng Giám đốc
Ông PHẠM LINH	Phó Tổng Giám đốc
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Phó Tổng Giám đốc
Ông LÃ QUANG TRUNG	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0619260-SXR/AISC-DN6 **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.10.3. Theo đó, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2019, trong tổng số lãi phải thu từ cho vay khách hàng có khoản lãi phải thu (đã tất toán nợ gốc và có tài sản đảm bảo) từ một số khách hàng đã không được Ngân hàng thực hiện hạch toán các khoản lãi phải thu này theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh IV.2 - "Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi".

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.4.1, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2019, trong tổng số khoản cho vay thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn có khoản cho vay cầm cố sổ tiết kiệm của một số khách hàng chưa được Ngân hàng thực hiện việc phân loại lại nhóm nợ do đang chờ việc xử lý của cơ quan chức năng.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2019



Đương Thị Phương Anh

Số GCNĐKHNT: 0321-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	316.741.909.736	318.618.212.910
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	380.776.814.240	440.947.678.293
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	10.905.468.960.982	15.267.644.813.949
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		10.905.468.960.982	15.267.644.813.949
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		5.398.679.685	883.750.000
VI. Cho vay khách hàng		40.300.559.894.132	37.522.475.137.691
1. Cho vay khách hàng	V.4.1	40.730.520.906.160	37.916.118.452.171
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.4.2	(429.961.012.028)	(393.643.314.480)
VII. Hoạt động mua nợ	V.05	1.518.946.560	1.518.946.560
1. Mua nợ		1.518.946.560	1.518.946.560
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.06	11.039.670.345.404	12.095.661.282.116
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		7.959.601.687.053	8.455.196.627.744
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.789.832.928.005	4.287.647.188.025
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(709.764.269.654)	(647.182.533.653)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.07	813.373.630.000	813.373.630.000
1. Đầu tư vào công ty con		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		313.373.630.000	313.373.630.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
X. Tài sản cố định		191.698.620.745	195.292.294.679
1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	77.346.678.698	80.696.088.796
a. Nguyên giá TSCĐ		297.402.314.804	292.098.153.004
b. Hao mòn TSCĐ		(220.055.636.106)	(211.402.064.208)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá TSCĐ		-	-
b. Hao mòn TSCĐ		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.9	114.351.942.047	114.596.205.883
a. Nguyên giá TSCĐ		213.289.049.940	212.717.049.940
b. Hao mòn TSCĐ		(98.937.107.893)	(98.120.844.057)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản Có khác	V.10	4.356.034.378.167	4.658.383.722.124
1. Các khoản phải thu		832.229.697.570	1.018.719.659.680
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.289.185.676.202	2.411.268.413.535
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		1.234.619.004.395	1.228.395.648.909
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		68.311.242.179.651	71.314.799.468.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.11	-	10.171.722.067,00
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.12	17.570.799.707.100	22.714.461.659.651
1. Tiền gửi của các TCTD khác		11.921.344.489.738	16.100.806.728.273
2. Vay các TCTD khác		5.649.455.217.362	6.613.654.931.378
III. Tiền gửi của khách hàng	V.13	43.838.903.519.059	41.417.780.301.242
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.14	9.770.407.000	14.258.508.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.15	1.275.168.067.554	1.682.143.421.968
VII. Các khoản nợ khác	V.16	1.329.223.046.980	1.256.670.168.123
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.034.553.963.119	1.010.318.361.845
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		294.669.083.861	246.351.806.278
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		64.023.864.747.693	67.095.485.781.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
VIII. Vốn chủ sở hữu	V.17	4.287.377.431.958	4.219.313.687.271
1. Vốn của TCTD		3.500.102.540.351	3.500.102.540.351
a. Vốn điều lệ		3.499.990.470.000	3.499.990.470.000
b. Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		98.600.000	98.600.000
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		13.470.351	13.470.351
2. Quỹ của TCTD		184.907.949.050	184.907.949.050
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		623.554.305	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		601.743.388.252	534.303.197.870
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		68.311.242.179.651	71.314.799.468.322

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.33	4.280.847.374.160	2.713.815.000.000
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		512.820.000.000	162.365.000.000
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		-	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		3.768.027.374.160	2.551.450.000.000
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.33	36.652.760.550	29.437.822.914
5. Bảo lãnh khác	VIII.33	597.104.351.215	550.276.757.476
6. Các cam kết khác		-	-

Người lập biểu

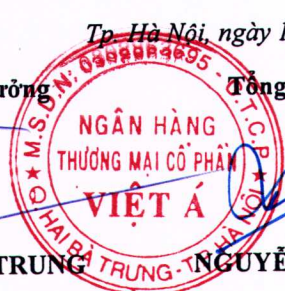

NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng


LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc


NGUYỄN VĂN HẢO



Tp. Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	2.279.070.363.781	1.996.838.527.732
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	1.828.468.053.476	1.463.797.132.390
I. Thu nhập lãi thuần		450.602.310.305	533.041.395.342
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		8.136.297.265	4.604.380.875
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		15.638.109.965	10.448.506.442
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.20	(7.501.812.700)	(5.844.125.567)
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.21	85.442.663	1.826.350.562
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.22	1.592.200.156	1.438.990.671
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.23	906.282.337	32.429.056
5. Thu nhập từ hoạt động khác		23.739.609.295	192.581.480
6. Chi phí hoạt động khác		560.722.233	1.010.936.011
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.24	23.178.887.062	(818.354.531)
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.25	607.328.500	1.609.138.089
VIII. Chi phí hoạt động	VI.26	285.662.597.233	255.332.102.190
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		183.808.041.090	275.953.721.432
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.27	98.899.433.549	163.150.135.555
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		84.908.607.541	112.803.585.877
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		17.468.417.159	23.098.556.731
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.28	17.468.417.159	23.098.556.731
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		67.440.190.382	89.705.029.146

Tp. Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.401.357.609.025	2.598.573.078.609
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(1.779.923.714.828)	(1.490.855.320.002)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(7.501.812.700)	(5.844.125.567)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.583.925.156	3.297.770.289
05. Thu nhập khác		(39.402.848.939)	(153.006.794.835)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		-	-
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(276.204.461.499)	(240.297.917.416)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(10.858.927.590)	(32.570.904.655)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		290.049.768.625	679.295.786.423
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		50.000.000.000	800.000.000.000
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		1.055.990.936.712	(173.553.707.285)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(4.514.929.685)	1.561.550.000
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(2.814.402.453.989)	(3.445.938.950.124)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		124.908.270.496	(22.331.343.754)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(10.171.722.067)	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(5.143.661.952.551)	1.192.619.452.167
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		2.421.123.217.817	3.743.809.486.004
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(406.975.354.414)	(98.775.193.653)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(4.488.101.000)	(5.791.595.000)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	2.801.519.360
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		72.552.878.857	(22.116.180.764)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng			-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.369.589.441.199)	2.651.580.823.374
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(5.864.461.800)	(6.444.708.435)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	181.818.182
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		607.328.500	1.609.138.089
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(5.257.133.300)	(4.653.752.164)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.374.846.574.499)	2.646.927.071.210
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.927.210.705.152	11.868.637.816.299
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		623.554.305	(926.937.261)
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.29	11.552.987.684.958	14.514.637.950.248

TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO